

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC SON LA**

**Số: 317/NSL-BCTN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Son La, ngày 09 tháng 4 năm 2020*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**  
**Năm báo cáo 2019 (thời điểm 31/12/2019)**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5500154649
- Vốn điều lệ: 62.096.300.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 62.096.300.000 đồng
- Địa chỉ: Số 55 - đường Tô Hiệu - TP Sơn La - Tỉnh Sơn La
- Số điện thoại: 02123.854.837; - Số fax: 02123.854.539
- Website: capnuocsonla.vn; - Email: sowasucom@gmail.com
- Mã cổ phiếu: NSL

***Quá trình hình thành và phát triển***

Lịch sử hình thành và phát triển: Công ty được thành lập năm 1963, nhà máy có công suất khoảng 1.200 m<sup>3</sup>/ngày, việc cải tạo hoàn tất vào cuối năm 1988 nhà máy được nâng công suất lên 2.400 m<sup>3</sup>/ngày

Đến cuối năm 1995, sau khi hoàn thành dây chuyền lắng lọc bổ sung và cải tạo trạm bơm cấp 2, nhà máy nước Bó Cá được nâng công suất lên lên 5.000 m<sup>3</sup>/ngày.

Đối với tình hình quản lý ngành nước trong tỉnh: Trước năm 1993, UBND các huyện đã thành lập và trực tiếp quản lý các tổ phục vụ cấp nước cho từng thị trấn, với quy mô hoạt động rất nhỏ và công nghệ lạc hậu. Khi triển khai Nghị định 388/HĐBT của Chính phủ, Công ty đã từng bước tiếp nhận các bộ phận cấp nước này, từng bước đầu tư cải tạo nâng cấp, nâng cao dần chất lượng cung cấp dịch vụ và tiến tới ổn định sản xuất kinh doanh. Đến nay, đã trực tiếp quản lý các Chi nhánh cấp nước của 11/12 thị trấn trong tỉnh và đang là một trong số các Công ty cấp nước trong toàn quốc thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này.

Năm 1998 có thể coi là một bước ngoặt lớn trong cả chặng đường xây dựng và phát triển của ngành cấp nước đô thị tỉnh Sơn La, được đánh dấu bằng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và khởi đầu cho dự án Hiện đại hoá hệ thống cấp nước thị xã.

Công suất cấp nước: từ 12.000 tăng lên 40.000 m<sup>3</sup>/ngày, đủ khả năng phục vụ cho nhu cầu sử dụng của các đô thị trong tỉnh.

Địa bàn hoạt động: bao gồm các phường nội thị và tiểu khu ven thị xã cùng với 10 thị trấn, 04 thị tứ khác. Với quy mô từ 8.500 hộ dùng nước (1998) tăng lên trên 51.146 hộ (năm 2018), tương đương 230.000 dân (trong đó 95% dân cư đô thị được cấp nước sạch).

Sản lượng nước thương phẩm: Năm 2019 đạt sản lượng 10,6 triệu m<sup>3</sup>.

Tỷ lệ thất thoát nước: Trong khoảng 5 năm gần đây công ty đã cải tạo lại hệ thống mạng lưới, tỷ lệ thất thoát nước hiện nay khoảng 10-12%.

Lao động, việc làm và thu nhập: do mở rộng địa bàn phục vụ và năng động trong kinh doanh, đã đảm bảo việc làm thường xuyên và thu nhập ổn định ở mức 8.200.000 đ/người/tháng cho 222 lao động.

Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La là một trong số các doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, nay được từng bước chuyển sang hoạt động kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết TW 3 từ 01/5/2005 công ty chính thức hoạt động với tên mới Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La, có nhiệm vụ chủ yếu là sản xuất và cung cấp nước sạch phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của cán bộ và nhân dân trên địa bàn thị xã và các thị trấn huyện lỵ trong toàn tỉnh. Trong giai đoạn từ 1998 đến nay, được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Đảng và chính quyền trong tỉnh, nhờ phát huy được sức mạnh của tập thể người lao động trong đơn vị, hoạt động của Công ty đã có nhiều chuyển biến tích cực, được các cơ quan quản lý cũng như đại đa số khách hàng sử dụng nước ghi nhận.

Khác với nhiều đồng nghiệp ở các địa phương, Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chỉ thực hiện nhiệm vụ cấp nước cho các đô thị và cụm dân cư tập trung trong tỉnh (gồm cả các thị trấn huyện), nhiệm vụ thoát nước được tỉnh giao cho Công ty Môi trường Đô thị.

Thông tin chủ yếu về hoạt động của doanh nghiệp năm 2018 như sau:

Công suất thiết kế: 40.000 m<sup>3</sup>/ngày; Công suất khai thác: 33.000 m<sup>3</sup>/ngày

Số địa bàn quản lý: Thành phố Sơn La + 10 Thị trấn + 4 Thị tứ

Tổng số khách hàng: 51.146 đồng hồ các loại (tương đương 230.000 dân, chiếm 95% dân số đô thị của tỉnh )

Sản lượng nước ghi thu: 10,1 triệu m<sup>3</sup>; Doanh thu tiền nước: 118,1 tỷ đồng

Tỷ lệ thất thoát nước: 10,9 %.

Thu nhập bình quân: 8,2 triệu đồng/người/tháng

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh: Theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 5500154649 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/04/2005, cấp thay đổi lần 6: ngày 09/08/2017 ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là:

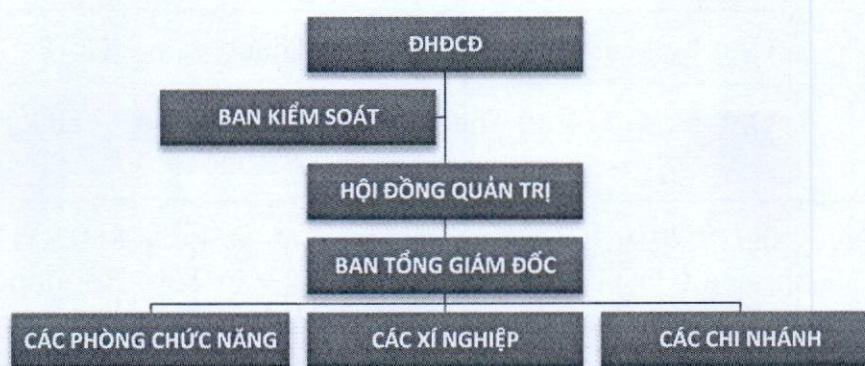
STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cấp nước;	3600
2	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công công trình cấp nước đô thị và nông thôn;	4390
3	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề. Chi tiết: Tổ chức các khu vui chơi giải trí dưới nước;	9321
4	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: thi công xây dựng các công trình dân dụng;	4290
5	Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn, thiết kế các công trình cấp nước;	7020
6	Xây dựng nhà các loại;	4100
7	Sản xuất, kinh doanh nước sạch; sản xuất kinh doanh nước tinh khiết đóng chai; kinh doanh vật tư xây lắp chuyên ngành cấp nước; kinh doanh cây cảnh và trang trí ngoại thất công trình.	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực các đô thị và vùng ven đô thị tỉnh Sơn La

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



#### Cơ cấu bộ máy quản lý

##### ✦ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có nhiệm vụ: Thông qua sửa đổi bổ sung điều lệ, thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua

báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và của các kiểm toán viên. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

#### **✦ Hội đồng quản trị**

HĐQT Công ty gồm 07 thành viên do ĐHĐCĐ bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Thành viên HĐQT.

HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Công ty có hai Đại diện theo Pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.

#### **Danh sách thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT
4.	Ông Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
5.	Ông Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT
6.	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Văn Tồn	Thành viên HĐQT Miễn nhiệm 2/12/2019

Ngày 02/12/2019, HĐQT ra Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tồn. Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Tồn và trình phương án kiện toàn nhân sự HĐQT tại Đại hội cổ đông gần nhất.

#### **✦ Ban Kiểm soát**

Ban kiểm soát: là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị, điều hành của công ty, có chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

**Danh sách thành viên BKS:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng Ban kiểm soát Bổ nhiệm ngày 31/3/2019
2	Ông Trần Quyết Chiến	Miễn nhiệm ngày 31/3/2019
2.	Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên BKS
3.	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS

- Ngày 31/03/2019, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ quyết nghị về việc miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát và bầu bổ sung chức danh Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Kim Ngọc Nhiệm. Ngày 31/03/2019, HĐQT đã ra Nghị quyết HĐQT số 39/NQ-HĐQT về việc bổ nhiệm ông Trần Quyết Chiến giữ chức vụ Kế toán trưởng.

✚ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của công ty gồm có Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền.

**Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bùi Văn Đỉnh	Tổng Giám đốc
2.	Ông Lương Thế Công	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
4.	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc

✚ **Các phòng chức năng**

**Phòng kế hoạch kỹ thuật:** Giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành kế hoạch và kỹ thuật sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt, nước uống đóng bình, giúp Ban Tổng Giám đốc thực hiện công việc quản lý điều hành các dự án đầu tư xây lắp công trình.

**Phòng quản lý chất lượng:** Kiểm soát chất lượng nước sinh hoạt và nước tinh khiết tại thành phố, hướng dẫn, kiểm tra chất lượng nước sinh hoạt trên địa bàn các chi nhánh thuộc công ty. Tham mưu giúp việc trong công tác cấp nước an toàn. Chức năng thư ký ISO 9001:2015 & ISO 22000-2007.

**Phòng Tài chính kế toán:** Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực

quản lý các hoạt động Tài chính như: quản lý vốn và sử dụng vốn; quản lý tài sản, sử dụng tài sản; quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh; quản lý sử dụng và phân phối lợi nhuận; lập, tổ chức thực hiện kế hoạch Tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán; và thực hiện nghĩa vụ thuế trong toàn Công ty với Nhà nước.

**Phòng Quản lý khách hàng:** Tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực khách hàng sử dụng nước toàn công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác chỉ đạo chuyên môn liên quan đến lĩnh vực quản lý và kiểm định đồng hồ đo nước.

**Phòng Tổ chức hành chính:** Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực tổ chức - nhân sự của Công ty. Tham mưu giúp Giám đốc trong chỉ đạo công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực hành chính của Văn phòng Công ty.

#### ✦ Các xí nghiệp

**Xí nghiệp cấp nước thành phố số 1:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán, quản lý và tổ chức các dịch vụ bơi lội.

**Xí nghiệp cấp nước thành phố số 2:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

**Xí nghiệp xây lắp:** Tổ chức thi công, xây dựng các công trình dự án của công ty, lắp đặt công trình cấp nước phát triển khách hàng mới, cung ứng vật tư để phục vụ công tác sản xuất nước lọc tinh khiết như: bình, nhãn mác, vòi, sản xuất nước uống tinh khiết và quản lý kho nước thành phẩm, tiêu thụ sản phẩm nước tinh khiết.

**Xí nghiệp cấp nước Mai Sơn:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

#### ✦ Các chi nhánh cấp nước tại thị trấn huyện

**Các chi nhánh tại thị trấn huyện:** Tổ chức sản xuất, cấp nước trên địa bàn được phân công từ sản xuất, quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và thu tiền nước sử dụng hàng tháng nộp về công ty theo quy chế khoán.

#### ✦ Các công ty con, công ty liên kết, Danh sách những công ty mẹ, công ty con và Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Cấp nước Sơn La có 01 công ty liên kết, thông tin về công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết: Công ty Cổ phần VBIC Sơn La

Địa chỉ: 55 Tô Hiệu, Thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La

Vốn điều lệ đã góp tại Công ty Cổ phần VBIC Sơn La: 8.000.000.000 đồng, tỷ lệ: 28,57%

Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cấp nước;

#### 4. Định hướng phát triển

##### a. Mục tiêu chính:

- Phát triển nhanh, bền vững, đáp ứng nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Sản xuất kinh doanh hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Phấn đấu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đó là:
- Định hướng phát triển cấp nước đô thị và khu công nghiệp Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050 (QĐ số 1929/QĐ-TTg ngày 20/11/2009 của Thủ tướng CP)
- Chương trình quốc gia chống thất thu thất thoát đến năm 2025 (QĐ số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng CP)
- Tích cực triển khai công tác cấp nước an toàn theo thông tư số 08/2012/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

#### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại 2015	2016	2017	2018	2019	2020	Tổng cộng
1	Sản lượng nước tiêu thụ	1000 M3	10.000	10.500	11.000	11.500	12.000	12.500	57.500
3	Tỷ lệ thất thu thoát	%	17	16	15	15	14	13	
4	Số lượng khách hàng	đồng hồ	45.000	47.000	49.000	51.000	54.000	57.000	
5	Tỷ lệ dân nội thị được cấp nước	%	95	96	97	98	99	100	
6	Tỷ lệ dân ven nội thị được cấp nước	%	15	20	30	60	80	100	
7	Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước	Km		45	45	45	45	45	225
8	Đầu tư BX và mở rộng mạng lưới cấp nước	Km		20	20	20	20	20	100
9	Đầu tư cải tạo và nâng CS nguồn nước	M3/ngày	44.000	47.000	50.000	54.000	58.000	62.000	
10	Đầu tư bổ xung CS nguồn nước	M3/năm		3.000	3.000	4.000	4.000	4.000	18.000

- Số hộ khách hàng và sản lượng nước thương phẩm bình quân mỗi năm tăng 5%
- Tỷ lệ dân nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2019 là 100%.
- Tỷ lệ dân ven nội thị được sử dụng nước sạch đến năm 2020 là 100%.
- Kiểm soát thất thoát bền vững đến 2020 đạt tỷ lệ <10%.
- Cải tạo và sửa chữa mạng lưới cấp nước mỗi năm khoảng 45 Km.
- Đầu tư phát triển mạng lưới đường ống để mở rộng địa bàn mới mỗi năm 20Km.
- Đầu tư cải tạo đổi mới công nghệ và nâng công suất nguồn nước (cả bổ sung mới) mỗi năm 3000-4000 M3/năm.

#### KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NHIỆM KỲ 2015-2020

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Hiện tại 2015	2016	2017	2018	2019	2020
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>100.000</b>	<b>111.000</b>	<b>125.000</b>	<b>142.000</b>	<b>159.000</b>	<b>179.000</b>
2	Giá nước	đ/m <sup>3</sup>	10.000	10.000	10.800	11.700	12.600	13.600
3	Tổng chi phí	triệu đồng	94.254	97.985	109.880	123.621	137.783	151.500
4	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	5.746	13.015	15.120	18.379	21.217	27.500
5	Thuế thu nhập DN phải nộp	triệu đồng	287	651	756	1.838	2.122	5.500
6	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	5.459	12.364	14.364	16.541	19.095	22.000
<b>7</b>	<b>Trích lập các quỹ:</b>	<b>45</b>	<b>2.459</b>	<b>5.564</b>	<b>6.464</b>	<b>7.441</b>	<b>8.595</b>	<b>9.900</b>
+	Quỹ dự trữ bắt buộc theo qui định tại điều lệ công ty (%)	5	273	618	718	827	955	1.100
+	Quỹ đầu tư phát triển (30% LN sau thuế)	30	1.640	3.710	4.310	4.960	5.730	6.600
+	Quỹ phúc lợi và khen thưởng (tối đa 10% LN sau thuế)	5	273	618	718	827	955	1.100
+	Quỹ khác do HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông quyết định (%)	5	273	618	718	827	955	1.100
<b>8</b>	<b>Tổng tiền cổ tức</b>	<b>triệu đồng</b>	<b>3.000</b>	<b>6.800</b>	<b>7.900</b>	<b>9.100</b>	<b>10.500</b>	<b>12.100</b>
<b>9</b>	<b>Tỷ suất LN trước thuế vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>%</b>	<b>5</b>	<b>11</b>	<b>12</b>	<b>13</b>	<b>14</b>	<b>15</b>
	Thuế suất thuế thu nhập DN		5%	5%	5%	10%	10%	20%
<b>10</b>	<b>Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)</b>	<b>60.596</b>	<b>62.200</b>	<b>65.900</b>	<b>70.200</b>	<b>75.200</b>	<b>80.900</b>	<b>87.500</b>

### **Kế hoạch chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2016 - 2020 phấn đấu đạt như sau:**

- Doanh thu mỗi năm tăng khoảng từ 11-13% (trên cơ sở tăng sản lượng và tăng giá bán dự kiến)
- Lộ trình tăng giá nước mỗi năm tăng tối thiểu 8% (từ 800-1000đ/m<sup>3</sup>; bởi riêng tỷ lệ mức lạm phát hàng năm đã khoảng 5%, chưa kể chênh lệch tỷ giá và chi phí vay vốn đầu tư các DA mới để phát triển).
- Lợi nhuận trước thuế mỗi năm >15%
- Trích lập các quỹ bằng 45% lợi nhuận sau thuế, trong đó ưu tiên quỹ dự trữ và quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế).
- Phấn đấu tỷ lệ cổ tức từ 2016 trở đi là 11% và mỗi năm tăng tối thiểu 1%.
- Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu với tỷ lệ tăng hằng năm 6-8%.

#### **b. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh**

- Năm 2018: Tập trung triển khai các dự án đầu tư ở địa bàn Thành phố: Hồ lãng và dự trữ nước thô; Tuyên ông truyền tải dọc kè suối Nậm La. Các dự án này là một trong những giải pháp nhằm đảm bảo cấp nước an toàn đồng thời cũng là để phục vụ cho các khu đô thị mới hình thành theo quy hoạch của Thành phố. (Cùng với DA này là Liên doanh SVBIC phải đầu tư nâng công suất nhà máy Nậm la từ 2500 m<sup>3</sup>/ngày lên 5000 m<sup>3</sup>/ngày).
- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, liên tục cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, tiến đến cấp nước an toàn đạt các tiêu chí theo quyết định số 1566/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chủ trương thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quyết định số 58/2016/QĐ/TTg ngày 28-12-2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020.
- Công tác tổ chức:
  - + Thực hiện tốt công tác quy hoạch, luân chuyển và tạo nguồn cán bộ.
  - + Duy trì việc thực hiện các nội qui, qui định của công ty.
  - + Thực hiện tốt các chế độ chính sách của Nhà nước cũng như công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật kịp thời.
- Công tác chỉ đạo điều hành sản xuất:
  - + Tăng cường sự chỉ đạo, quản lý và hướng dẫn nghiệp vụ để các đơn vị thực hiện đúng pháp luật nhà nước và quy định của Công ty.
  - + Đổi mới công tác giao ban tại các đơn vị sản xuất cũng như công ty để xử lý kịp thời, dứt điểm các phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - + Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ.
- Công tác giảm nước thất thoát, thất thu:
  - + Tiếp tục thực hiện công tác chống thất thoát, áp dụng các giải pháp đồng bộ, hiệu quả và có tác dụng bền vững.
  - + Ứng dụng tin học và công nghệ mới cho công tác chống thất thoát.
  - + Có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhân viên được tiếp cận, học hỏi và ứng dụng thành thạo phương pháp và trang thiết bị hiện đại dùng cho công tác chống thất thoát thất thu.
- Công tác cấp nước an toàn:



- + Tập trung cao cho công tác cấp nước an toàn ở phạm vi toàn công ty, mỗi đơn vị phải xây dựng được kế hoạch cấp nước an toàn để thực hiện. Có giải pháp ngăn ngừa các nguy cơ mất an toàn đối với nguồn nước, mạng lưới và chất lượng sản phẩm.
- + Đầu tư cải tạo nâng cấp các trạm xử lý, trang bị các thiết bị kiểm soát chất lượng nước để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Công tác tài chính:
  - + Đảm bảo công tác tài chính thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
  - + Cải tiến nâng cao chất lượng của công tác kế toán quản trị nhằm đáp ứng các mục tiêu.
- Công tác lao động và tiền lương:

Làm tốt công tác quản lý và sử dụng lao động trong toàn công ty, duy trì từ việc thực hiện các nội quy, quy định của công ty đến việc thực hiện các chế độ chính sách của nhà nước quy định như Luật lao động, chế độ tiền lương, thưởng, các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...

Rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích được người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc

## **5. Các rủi ro**

### **a. Rủi ro về kinh tế.**

Việt Nam là nước có tốc độ phát triển cao và ổn định trong những năm vừa qua. Năm 2006 Việt Nam gia nhập tổ chức WTO đã tạo ra rất nhiều cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam nói chung và của ngành dịch vụ nói riêng.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế thì vấn đề nước sạch ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Chính phủ Việt Nam đã ban hành rất nhiều văn bản, chính sách nhằm phát triển ngành.

Trong xu hướng hội nhập thì vấn đề về nước sạch ngày càng trở nên thiết yếu và quan trọng đối với mỗi người dân Việt Nam.

Do vậy có thể nói hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La trong thời gian tới không gặp trở ngại đáng kể từ nền kinh tế.

### **b. Rủi ro về luật pháp.**

Rủi ro về chính sách vĩ mô của Nhà nước thay đổi dẫn tới định hướng phát triển mở rộng của Công ty có thể gặp một số khó khăn.

Hệ thống pháp luật kinh doanh nói chung còn thiếu đồng bộ, cơ sở pháp lý cho các hoạt động trong lĩnh vực sản xuất nước sạch.

### **c. Rủi ro đặc thù.**

- Rủi do về cạn kiệt nguồn nước: Là tỉnh miền núi, nguồn nước địa bàn khan hiếm về mùa khô, trong một vài thời điểm nguồn nước không đủ cung cấp.

- Rủi do về ô nhiễm nguồn nước: Các nguy cơ ô nhiễm do các cơ sở sơ chế cà phê của thành phố 1; Khai thác tài nguyên gây nhiễm đục nguồn nước, lạm dụng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật.

- Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch nên phụ thuộc rất nhiều vào ý thức của người dân.

**d. Rủi ro khác.**

- Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai lũ lụt, hỏa hoạn, địch họa,...là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2019**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Chỉ tiêu			Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	123,502,798,400	118,212,923,497
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		123,502,798,400	118,212,923,497
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	92,297,001,682	86,711,927,591
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		31,205,796,718	31,500,995,906
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4,114,416,498	1,887,652,785
Chi phí tài chính	22	VI.4	2,183,773,723	2,839,091,880
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,846,762,129	2,346,304,278
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15,136,760,415	11,143,714,064
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17,999,679,078	19,405,842,747
Thu nhập khác	31	VI.6	866,591,147	431,510,065
Chi phí khác	32	VI.7	972,607,847	26,640,628
Lợi nhuận khác	40			

			(106,016,700)	404,869,437
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>17,893,662,378</b>	<b>19,810,712,184</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	51	V.12	<b>2,018,601,406</b>	<b>2,041,955,435</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	60		<b>15,875,060,972</b>	<b>17,768,756,749</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	VI.8	<b>2,557</b>	<b>2,765</b>
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	71	VI.8	<b>2,557</b>	<b>2,765</b>

**+Doanh thu so với năm 2018 thì :**

Tổng doanh thu đạt 123,502 tỷ, tăng 4,4% so với năm 2018, và tăng 4,5% so với KH. Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước là 118,1 tỷ, chiếm 95,6 %
- + Doanh thu lắp đặt nhỏ là 2,4 tỷ, chiếm 1,9 %
- + Doanh thu dịch vụ bơi lội là 0,4 tỷ, chiếm 0,5 %
- + Doanh thu SX nước lọc là 1,3 tỷ, chiếm 1,1 %
- + Doanh thu khác chiếm 1,1 tỷ 0,9 %

**2. Tổ chức và nhân sự**

**2.1. Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đính	Thành viên
5	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7.	Nguyễn Văn Tôn	Thành viên Miễn nhiệm từ ngày 1/12/2019

**2.1.1. Ông NGUYỄN TRỌNG HIẾU**

- Giới tính: Nam

- Ngày sinh: 01/12/1973
- Nơi sinh: Thanh Oai - Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: SN 11, Ngõ 44, Phố Đại La, Phường Trương Định, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- CMND số: 011896161 - Nơi cấp: CATP Hà Nội Ngày cấp: 3/7/2006
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ quản trị kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - + Công ty Cổ phần Hawaco Tổng Giám đốc
  - + Hội Cấp thoát nước Việt Nam: Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
  - + Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình: Thành viên HĐQT
  - + Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng: Chủ tịch HĐQT
  - + Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: Thành viên HĐQT
- Công ty đầu tư KD nước sạch Việt Nam Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1998 – 2001	Phòng Kinh doanh Xuất nhập khẩu - Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam Viwaseen – Bộ Xây dựng	Chuyên viên
2001 – đến nay	Công ty Cổ phần Hawaco	Tổng Giám đốc
2010 – đến nay	Hội Cấp thoát nước Việt Nam	Phó Chủ tịch kiêm Trưởng Ban Tài chính
6/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Nước sạch Hòa Bình	Thành viên HĐQT
12/2017 – đến nay	Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT
2015 – 11/2018	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc
12/2018– đến nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Thành viên HĐQT
	Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng	Chủ tịch HĐQT

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
  - + Sở hữu cá nhân: không
  - + Sở hữu đại diện: Công ty CP đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam: 4.026.756 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 64,84% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

### 2.1.2. Ông LƯƠNG THẾ CÔNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 13/8/1964
- Nơi sinh: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 6, phường Quyết Thắng, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050228311 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 28/6/2007
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Phó chủ tịch HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/1989-11/1990	Xí nghiệp điện nước Mai Sơn	Tổ trưởng xây lắp;
12/1990-04/1993	Xí nghiệp công nghiệp nước Mai Sơn	Cán bộ kỹ thuật;
05/1993-02/1997	Phòng kế hoạch kỹ thuật; Công ty Cấp nước Sơn La	Cán bộ
03/1997-09/1997	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội phó đội xây lắp
10/1997-06/1998	Công ty Cấp nước Sơn La	Đội trưởng đội xây lắp
07/1998-03/1999	Công ty Cấp nước Sơn La	Phó phòng kế hoạch
04/1999-02/2000	Xí nghiệp cấp nước Thị xã Sơn La	Phó giám đốc
03/2000-06/2001	Ban chủ nhiệm dự án hiện đại hóa HTCN Thị xã Sơn La	Thành viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2001-11/2003	Phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng phòng
12/2003-9/2004	Ban quản lý các dự án cấp nước Công ty Cấp nước Sơn La	Trưởng ban
Từ 01/9/2004-5/2005	Công ty Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc
Từ 5/2005- đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.	Phó giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
  - + Sở hữu cá nhân: 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu đại diện: 620.963 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của UBND tỉnh Sơn La tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

### 2.1.3. Ông NGUYỄN VĂN BÁ

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 4/11/1963
- Nơi sinh: Cẩm Yên, Thạch Thất, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tiểu khu 4, Thị trấn Mộc Châu, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050367435 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 10/8/2015
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT – Phó tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1983 -1986 đi bộ đội	Trường hạ sỹ quan quân đoàn 3	Thiếu úy
1986- 1988	Công ty XD Mộc Châu	Công nhân

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1988 -1993	Xí Nghiệp Cơ khí điện, nước MC	Công nhân
1993 -2005	Chi nhánh cấp nước Mộc Châu	Phó chi nhánh
2005 - 2015	Chi nhánh cấp nước MC	Giám đốc chi nhánh
2015 – đến nay	Văn phòng Công ty CPCN Sơn la	Phó tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
  - + Sở hữu cá nhân: 11.110 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu đại diện: 620.962 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của nhà nước tại CTCP Cấp nước Sơn La), tương đương 10% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

#### 2.1.4. Ông BÙI VĂN ĐÌNH

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/3/1958
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường chiềng lè, TP Sơn La, Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050319911 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 9/6/2008
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP SVBIC
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
9/1982 – 5/1988	Ủy ban XD CB tỉnh Sơn La	Nhân viên
6/1988 – 3/1989	Sở xây dựng Sơn La	Nhân viên
4/1989 – 3/1990	Công ty XD I Sơn La	Phó phòng KHKT
4/1990 – 7/1993	Công ty XD I Sơn La	Trưởng phòng KHKT

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1993 – 4/2005	Công ty cấp nước Sơn La	Phó giám đốc
5/2005 – 6/2012	Công ty CP cấp nước Sơn La	Giám đốc
7/2012 – 11/2015	Công ty CP cấp nước Sơn La	Chủ tịch HĐQT
12/2015 – đến nay	Công ty CP cấp nước Sơn La	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
  - + Sở hữu cá nhân: 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu đại diện: không
  - + Sở hữu của người có liên quan: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

#### 2.1.5. Ông NGUYỄN VĂN HỒNG

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/1/1967
- Nơi sinh: Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 50, ngõ 105, tổ 45, đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- CMND số: 011751556 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 2/11/2006
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý doanh nghiệp
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
  - + Giám đốc Công ty cổ phần MILLS Việt Nam
  - + Tổng giám đốc Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam (VBIC)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 04/1990 – 12/2014	Tổng công ty đầu tư nước và môi trường Việt Nam	Giám đốc trung tâm/Chi nhánh kinh doanh vật tư chuyên ngành cấp thoát nước
01/2015 - nay	Công ty CP Mills Việt Nam	Giám đốc Công ty



8/2015 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên HĐQT
11/2018 - nay	Công ty đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	Tổng giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

#### 2.1.6. Ông LÊ VĂN TUẤN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 03/10/1972
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 19 Vĩnh Hưng – Hoàng Mai – Hà Nội
- CMND số:038072000008 Nơi cấp: CA Hà Nội Ngày cấp: 12/04/2013
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước; Thạc sỹ Quản lý môi trường
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần nước và môi trường Việt Nam.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1994 – 1996	Công ty xây dựng và cấp thoát nước Waseenco	Cán bộ
1996 – 2006	Xí nghiệp tư vấn môi trường – Công ty Nước và môi trường Việt Nam	Phó Giám đốc XN
2004 – 2005	Công ty TNHH cấp nước Yên Lập (Cty VIWASE và Cty thi công cấp nước Quảng Ninh góp vốn đầu tư)	Hội đồng thành viên
2006 – 2008	Công ty cổ phần Nước, Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn	Giám đốc
2008 – 2010	Công ty cổ phần Đầu tư phát triển An Việt	Giám đốc
2009 – nay	Công ty cổ phần Nước và Môi trường Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
		Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: không

### 2.1.7. Ông NGUYỄN VĂN TÓN

- Giới tính: Nam
  - Ngày sinh: 01/02/1970
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội
  - CMND số: 017016175 Nơi cấp: Hà Nội Ngày cấp: 17/05/2013
  - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng – Chuyên ngành cấp thoát nước
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên HĐQT
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1996 - 2002	- Nhà máy nhiệt điện Phả Lại - Nhà máy kính Đáp Cầu	Chỉ huy trưởng Kỹ sư giám sát
2002 - 2006	Tổng công ty Vinaconex	Chuyên viên
2006 - 2009	Nhà máy nước Dung Quất	Giám đốc
2009 – 4/11/2019	Công ty Cổ phần nước sạch Vinaconex-	Giám đốc Miễn nhiệm tháng 11/2019

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

Ngày 02/12/2019, HĐQT ra Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tón. Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Tón và trình phương án kiện toàn nhân sự HĐQT tại Đại hội cổ đông gần nhất.

### 2.2. Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
-----	-----------	---------

1	Bùi Văn Đính	Tổng giám đốc
2	Lương Thế Công	Phó Tổng giám đốc
3	Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng giám đốc
4	Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng giám đốc

Ban tổng giám đốc là 3 thành viên thuộc Hội đồng quản trị. Phần trích ngang đã nêu tại lý lịch trích ngang Hội đồng quản trị.

### 2.2.1. Ông PHẠM NGỌC DŨNG

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 11/9/1981
- Nơi sinh : Thành phố Sơn La- tỉnh Sơn La
- Quốc tịch : Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Phường Chiềng Lè - Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Chứng minh thư nhân dân số: 050391652 Nơi cấp: Công an Sơn La; Ngày cấp: 07/11/2016
- Điện thoại liên hệ: Cơ quan: 02123854837 (814) Di động: 0912548181
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không.

Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2005 - 9/2010	Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 10/2010- 02/2012	Trung tâm kiểm định chất lượng xây dựng-Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên
Từ 3/2012- 02/2014	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Phó phòng KHKT
3/2014 – 5/2015	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng chống thất thoát
6/2015-01/2016	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Trưởng phòng KHKT
02/2016-6/2017	Công ty cổ phần SVBIC Sơn La	Giám đốc ban QL dự án hệ thống cấp nước hồ bản Mòng
7/2017-7/2018	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Giám đốc Xí nghiệp cấp nước TP số 1
8/2018 đến nay	Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La	Phó Tổng Giám đốc

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết:
  - + Sở hữu cá nhân: 4.550 cổ phần, tương đương 0,07% số cổ phần đang lưu hành của Công ty.
  - + Sở hữu đại diện: 0 cổ phần
  - + Sở hữu của người có liên quan: Không.
- Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết: Hưởng thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông
- Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết: Không

### 2.3. Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban
2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên

#### 2.3.1 Ông KIM NGỌC NHIỆM

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 01/09/1960
- Nơi sinh: Mỹ Đức, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 2, phường Tô Hiệu, TP Sơn La
- CMND số: 050217496 , Nơi cấp: CA Sơn La , Ngày cấp: 19/03/2010
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty CP VBIC Sơn La
- Quá trình công tác
- Hành vi vi phạm pháp luật:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ năm 1979 -1987	C.ty cung ứng vật liệu XD Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1988 -1994	Sở Xây dựng Sơn La	Nhân viên VP
Từ năm 1995 - 1996	C.ty xây CP xây dựng số 1 Sơn La	Nhân viên kế toán
Từ năm 1996 - 1997	C.ty CP xây dựng số 1 Sơn La	Kế toán trưởng
Từ năm 1998 đến nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Kế toán trưởng Trưởng BKS

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ).
  - + Sở hữu cá nhân: : 10.740 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,17% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu đại diện: Không
  - + Sở hữu chứng khoán của người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

### 2.3.2. Ông NGUYỄN QUANG HUY

- Giới tính: Nam
  - Ngày sinh: 08/10/1983
  - Nơi sinh: Hà Nội
  - Quốc tịch: Việt Nam
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P318-C4-Vĩnh Hồ - Đống Đa – Hà Nội
  - CMND số: 001083005785 - Nơi cấp: CA TP Hà Nội Ngày cấp: 12/01/2015
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Chuyên ngành Tài Chính
  - Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
  - Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
    - + Chuyên gia tài chính Công ty cổ phần Viwaco
    - + Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần nước sạch Hưng Yên
    - + Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần nước sạch Hòa Bình
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 - 2010	Công ty TNHH Deloitte Việt Nam	Trưởng nhóm
2011 - 2012	Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch VIWACO	Phó Giám đốc tài chính

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2012 - 2015	Công ty CP Đầu tư Xuất Nhập Khẩu Thuận Phát	Trợ lý Chủ tịch HĐQT
2015 – 2017	Công ty TNHH Nông nghiệp VinEco – Tập đoàn Vingroup	Kiểm soát tài chính
2017 – nay	Công ty CP Viwaco	Chuyên gia tài chính – Ban tài chính kế hoạch
2017 – nay	Công ty CP nước sạch Hưng Yên	Trưởng Ban kiểm soát
2019 – nay	Công ty CP nước sạch Hòa Bình	Trưởng Ban kiểm soát

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng:

### 2.3.3. Ông BÙI HỒNG NAM

- Giới tính: : Nam
- Ngày sinh: 09/10/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tổ 3, P Tô Hiệu , TP Sơn La , Tỉnh Sơn La
- CMND số: 050345933 Nơi cấp: Công an Sơn La Ngày cấp: 26/10/2015
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng phòng TCDN Sở tài chính Sơn La
- Quá trình công tác

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
3/1995 – 10/2001	Công ty Du lịch khách sạn Sơn La	Nhân viên
11/2001- 4/2008	Phòng kế hoạch Công ty sách thiết bị trường học tỉnh Sơn La	Nhân viên
5/2008- 01/2013	Phòng Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Chuyên viên
01/2013- 02/2015	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phó Phòng Tài chính doanh nghiệp

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2015-02/2016	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Phụ Trách Phòng Tài chính doanh nghiệp
01/2015-nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Bì Thư Chi bộ III-thuộc Đảng ủy Sở Tài chính
04/2015 - nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Đảng ủy viên – Đảng ủy Sở Tài chính
01/206 - nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	Thành viên BKS
02/2016 –nay	Sở Tài chính tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Tài chính doanh nghiệp

- Hành vi vi phạm pháp luật: không
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không

#### 2.4. Kế toán trưởng: Ông TRẦN QUYẾT CHIẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 28/8/1973
- Nơi sinh: Ứng Hòa, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: : Tổ 6, P Chiềng Lè, TP Sơn La, tỉnh Sơn La
- CMND số: 050311705 Nơi cấp: Công an tỉnh Sơn La Ngày cấp: 17/6/2015
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty đại chúng: Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP SVBIC Sơn La
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
19/12/1990-12/1994	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Nhân viên
12/1994-8/1996	Công ty xí măng Sơn La	Kế toán viên

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
8/1996- 1/19997	Công ty SX và kinh doanh vật liệu XD số 1 Sơn La	Kế toán viên
1/1997- nay	Công ty cổ phần cấp nước Sơn La	- Nhân viên kế toán - Phó phòng kế toán - Trưởng ban kiểm soát - Kế toán trưởng

- Hành vi vi phạm pháp luật:
- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty đại chúng:
  - + Sở hữu cá nhân: 11.290 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,18% vốn điều lệ Công ty)
  - + Sở hữu đại diện: Không
  - + Sở hữu của người có liên quan: Cao Thị Oanh sở hữu 2.000 cổ phiếu (tỷ lệ sở hữu: 0,03% vốn điều lệ Công ty) (Mối quan hệ: là vợ)
- Các khoản nợ đối với Công ty đại chúng: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty đại chúng: Nhận thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty đại chúng: Không
- **Những thay đổi trong năm 2019:**
  - Ngày 31/03/2019, Đại hội đồng cổ đông ra Nghị quyết số 01/NQ-DHĐCĐ, trong đó, miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Trần Quyết Chiến; Bầu bổ sung chức danh Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Kim Ngọc Nhiệm.
  - Ngày 31/03/2019, HĐQT ra Nghị quyết số 39/NQ-HĐQT bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Trần Quyết Chiến.
  - Ngày 02/12/2019, HĐQT ra Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tồn. Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Tồn và trình phương án kiện toàn nhân sự HĐQT tại Đại hội cổ đông gần nhất.

## 2.5. Thống kê nhân sự

STT	Cơ cấu lao động	Số lượng lao động đến ngày 31/12/2019
1	Trình độ đại học và trên đại học	38
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	69
3	Công nhân kỹ thuật	43
4	Lao động phổ thông	72
	<b>TỔNG</b>	<b>222</b>



#### **✦ Chính sách đối với người lao động**

##### **- Về tiền lương.**

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Mức lương trung bình của Công ty năm 2018 là 8.2 triệu đồng/người/tháng; Năm 2019 là 8,4 triệu đồng/người/tháng.

##### **- Về công tác đào tạo:**

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự trau dồi kiến thức để phù hợp với nhu cầu tại Công ty Cổ phần sau cổ phần hóa nhằm sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên sẵn có cũng như theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh và đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội

##### **- Về chính sách khen thưởng:**

Công tác đời sống đối với CBCNV: Thực hiện đóng BHXH, BHYT, mua BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ, chính sách Nhà nước. Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động. Thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ khác với người lao động theo quy định của Nhà nước.

### **3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

#### **a) Các khoản đầu tư lớn**

<b>TT</b>	<b>Tên Dự án</b>
1	XL: SC tuyến ống truyền tải từ đài nước CNCN Sông Mã đến cầu Nà Hin
2	XL: SC tuyến ống truyền tải từ trạm bơm cấp II đến trường mầm non Sông Mã
3	XL: SC tuyến ống truyền tải từ đài nước (trường DT nội trú đến SN 64) Sông Mã
4	TP1:Tháo dỡ, di chuyển trạm bơm số 3 (trạm bơm Nà Coóng)
5	SM: DC đường ống cấp nước phục vụ thi công rãnh thoát nước khu Nà Hin
6	SM: DC đường ống cấp nước phục vụ thi công rãnh thoát nước khu Hương Sơn
7	XL: SC các mối hỏng tuyến ống HDPE dọc kè suối Nậm La
8	XL: SC di chuyển tuyến ống cấp nước khu trạm Nà Lốc, trạm Sân Bay
9	SC: Rửa ống gang D200, ống thép D100 chi nhánh cấp nước Sốp Cộp
10	SC: Tháo dỡ, thu hồi ống gang dẻo D200 chân đài nước
11	XL: SC tuyến ống D63 dọc đường Biên Hòa từ CNCN Sông Mã đến cầu

	Nà Hin
12	XL: Đầu nổi trạm bơm cấp 2 Nà Xá Phù Yên, máy bơm trạm tăng áp Mường La
13	XL: Thi công xây dựng hạng mục nước sinh hoạt khu dân cư lô số 4A (giai đoạn 2)
14	XL: Cải tạo đường ống HDPE D160 từ ô tô Doanh Dự đến cổng 39 Cò Nòi
15	XL: Cải tạo đường ống HDPE D160 từ nhà Hậu Viên đến ô tô Doanh Dự
16	YC: Xây hồ van, rửa ống gang D250, D200, D150
17	YC: Sửa chữa, cải tạo trạm cấp nước Bát Đông
18	YC: SC di chuyển máy bơm đường ống D225. Nạo vét bùn khu hồ thu trạm cấp 1
19	MC: SC di chuyển tuyến ống gang D100 từ ngã 3 bệnh viện đến ngã 4 bảo tàng
20	MC: SC di chuyển tuyến ống gang D100 từ nhà VH tổ 10 đến ngã 3 bệnh viện
21	SM: Cải tạo, lắp đặt tuyến ống HDPE D40 khu vực Nà Hin, Nà Phòng
22	SM: SC cải tạo bể chứa 600m <sup>3</sup>
23	MS: SC đường ống cấp nước HDPE D225,D63,D50,D40 đường vào xi măng
24	XL: SC cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D75, D40 khu vực bản Pá Công
25	XL: Đầu nổi máy bơm cấp một trạm bơm Bó Ly Thuận Châu
26	TP1: Cải tạo Block 108 trong khuôn viên tỉnh ủy
27	TP1:DC đường ống cấp nước HDPE D75,63,40 đường Nguyễn Du, Bản Bó
28	XL: SC tuyến ống HDPE D90 từ nhà Định bản Nà Nghè đến nhà trẻ Nà Cang Mai Sơn
29	QN: SC cải tạo tuyến ống cấp nước Block 12 Châu Quân. Huổi Cuội
30	SM: Cải tạo, lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE khu vực Hoàng Mã, bản Púng

31	XL: SC cải tạo, lắp đặt tuyến ống HDPE từ trạm 13 về trạm 11
32	XL: SC cải tạo, lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D63, D50, D40 khu Noong Đúc
33	XL: SC cải tạo, lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D110 khu Noong Đúc
34	XL: SC tuyến ống HDPE D90 khu Sông Đà, từ NVH Nà Lốc đến Nậm Chiến Mường LA
35	XL: SC tuyến ống HDPE D63,D50,D40 từ đội QLTT đến VKS, bản Nà Lốc
36	XL: SC tuyến ống HDPE D90 từ nhà Lâm đội Nà Sản đến nhà Định bản Nà Nghè
37	XL: Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D160 từ ĐL Tâm Tuyết đến truyền tải điện
38	XL: Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D160 từ trạm Cò Nòi đến Công ty Hiệp Điện
39	XL: Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D160 từ Cty Hiệp Điện điện lạnh Tâm Tuyết
40	XL: Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D110 từ DN Tạ Nhung đến nhà nghỉ An Bình
41	XL: Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D110 từ NN An Bình đến nhà Nga Cò Nòi
42	Cải tạo lắp đặt đường ống HDPE D110 từ tải điện Mai Sơn đến DN Tạ Nhung
43	Xây dựng kho vật tư, SC xưởng đồng hồ xí nghiệp thành phố 1
44	SC cải tạo sân nền, đổ bê tông trạm xử lý nước Nà Lốc thị trấn Ít Ong
45	SC lắp đặt mới tuyến ống HDPE D50, D40 khu sao xanh, bệnh viện
46	SC tuyến ống nước thô HDPE D280 trạm bơm cấp 1
47	SC cải tạo ống HDPE D75 khu Phiêng Nèn
48	SC cải tạo tuyến ống HDPE D110 từ HTX Long Dương đến KM331+925 QL6
49	SC cải tạo tuyến ống HDPE D90 từ KM331+925 QL6 đến quán Hương Rừng

50	SC cải tạo tuyến ống HDPE D110 từ nhà Cương Thánh đến HTX Long Dương
51	SC cải tạo tuyến ống HDPE D110 từ nhà Khang đến nhà Cương Thánh
52	Lắp đặt lại 2 máy bơm đứng WILO 22Kw
53	Xây hồ van tăng áp trạm giếng khoan tiểu khu 4
54	SC cải tạo ống truyền tải HDPE D160 từ VKS đến ngã ba kiểm lâm
55	Hệ thống tuyến ống nhựa HDPE D225 đầu cầu Mường Giàng
56	SC lắp đặt phát triển mới tuyến ống cấp nước HDPE D63,D50,D40 khu ngã 3 công viên 2/9, bản Mo 3, bệnh viện và khu huyện đội Phù Yên,
57	Cải tạo, SC và lắp đặt phát triển tuyến ống cấp nước mới BL thuộc số 1, 2, 3, 9, 16 Bắc Yên
58	SC lắp đặt tuyến ống HDPE D40 tổ 1 Chiềng Sinh
59	Thi công nạo vét khơi dòng công trình thu nước trạm bơm cấp 1 Sông Mã
60	SC lắp đặt tuyến ống HDPE D40 Block 10 Sông Mã
61	Lắp đặt hệ thống tuyến ống khu dân cư lô 3A- kè suối Nậm La
62	SC cải tạo tuyến ống cấp nước cho đài truyền hình
63	SC cải tạo trạm xử lý nước Sân Bay TT Ít Ong
64	Di chuyển đường ống cấp nước từ Đ. Lò Văn Giá đến đường rẽ vào trung tâm phòng chống AIDS
65	DC tuyến ống HDPE D90 từ ngã 3 Bó Phứa đi Sở công an cũ & cải tạo ống HDPE D40 đường vào mỏ đá Tuần Cường
66	SC cải tạo tuyến ống cấp nước HDPE D75, D40 Block 01, 25 Phiêng Nèn
67	Cải tạo, sửa chữa trụ sở văn phòng chi nhánh Sông Mã

b) Các công ty con, công ty liên kết

- Tên công ty: Công ty cổ phần VBIC Sơn La
- Trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu – Thành phố Sơn La – Tỉnh Sơn La
- Mã số DN: 5500522701
- Cơ cấu nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT

2	Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT
4	Trần Quyết Chiến	Trưởng Ban kiểm soát
5	Nguyễn Tiến Hán	Tổng Giám đốc

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019
Tổng giá trị tài sản	172.544.238.503	147.401.364.755
Doanh thu thuần	118.212.923.497	123.502.798.400
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	19.405.842.747	17.999.679.078
Lợi nhuận khác	404.869.437	(106.016.700)
Lợi nhuận trước thuế	19.810.712.184	17.893.662.378
Lợi nhuận sau thuế	17.768.756.749	15.875.060.972

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	1.11	2.3
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.92	3.9
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	46	31.5
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	87.8	4
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9.84	7.4

Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0.68	0.84
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần.	%	15.03	12.86
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	19.34	15.72
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	16.41	14.58

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

#### ⚡ Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	5.268.681	84,84
2	Cổ đông nhỏ	940.949	15,15
3	Cổ đông trong nước	6.209.630	100
4	Cổ đông nhà nước	1.241.925	20
5	Cổ đông tổ chức khác	4.026.756	64,84
6	Cổ đông cá nhân	940.949	15,16

Tên cổ đông lớn	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ (%)
Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La		Đồi Khau Cỏ, thành phố Sơn La, Tỉnh Sơn La	1.241.925	20
Công ty cổ phần đầu tư và kinh doanh nước sạch Việt Nam	0106517006 đăng ký lần đầu ngày 22/04/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	Số 18 Lý Thường Kiệt, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội.	4.026.756	64,84

### **III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2019 là một năm mà điều kiện sản xuất của Công ty gặp một số khó khăn và thuận lợi sau:

- Nhu cầu dùng nước của một số khách hàng lớn là các trường chuyên nghiệp đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh giảm nhiều do lượng sinh viên rất ít.
- Nhu cầu dùng nước trong hoạt động xây dựng cũng giảm nhiều so với trước đây. Do hầu hết các công trình xây dựng đã chuyển sang dùng bê tông trộn sẵn.
- Khách hàng dùng 2 nguồn nước đã ảnh hưởng nhiều đến sản lượng cấp nước. Sang năm 2019 lượng khách hàng khoan giếng đã giảm. Tuy nhiên lượng khách hàng này đang càng xu hướng dùng ngày càng ít đi.
- Cũng có cả nguyên nhân chủ quan trong công tác quản lý. Việc thực hiện quản lý khách hàng tại các đơn vị trong thời gian qua còn buông lỏng như: Không giám sát, kiểm tra kẹp chì đồng hồ khách hàng, có nhiều tuyến ống cấp ngược không lắp van 1 chiều có thể dẫn đến tụt giảm sản lượng như: can thiệp vào đồng hồ, đồng hồ quay ngược...

Mặc dù cũng còn nhiều khó khăn nhưng bằng sự nỗ lực chung của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên trong công ty, sau 2 năm liên sản lượng có chiều hướng đi xuống, năm 2019 đã vượt kế hoạch sản lượng và đạt cao nhất từ trước đến nay. Một số giải pháp được đưa ra và áp dụng thực tế nhằm nâng cao sản lượng, cụ thể như sau:

- Tình hình thời tiết khô hạn, nhu cầu sử dụng nước của các hộ gia đình tăng là nguyên nhân chính làm tăng sản lượng.
- Chế độ vận hành cấp nước ở các đơn vị đã linh hoạt theo nhu cầu sử dụng của khách hàng.
- Tích cực đầu tư mới và cải tạo mạng lưới cấp nước, mở rộng địa bàn phục vụ ra vùng ven đô thị, cải thiện chất lượng phục vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị của tỉnh.
- Có nhiều cải tiến và ứng dụng công nghệ mới, nâng cao chất lượng nước, tiến đến cấp nước an toàn. Đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.
- Công tác quản trị đã có những cải tiến để phù hợp với Y/C đổi mới của doanh nghiệp.

Đánh giá chung năm 2019, sản xuất vẫn tiếp tục phát triển theo hướng bền vững, tình hình tài chính ổn định lành mạnh. Nguồn vốn của Công ty được bảo toàn và phát triển. Công ty đã hoàn thành tốt nghĩa vụ với nhà nước, trả nợ các khoản vay đầy đủ; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, đảm bảo tiền lương thu nhập và các chế độ chính sách cho người lao động.

#### **2. Tình hình tài chính**

##### **a) Tình hình tài sản**

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	% Tăng/giảm 2019/2018	Ghi chú
1	<b>Tổng tài sản</b>	<b>172.544.238.503</b>	<b>147.401.364.755</b>	<b>(14.6)</b>	
	<i>Trong đó</i>				
+	Tài sản ngắn hạn	69.904.781.854	47.061.183.980	(32.7)	
+	Tài sản dài hạn	102.639.456.649	100.340.180.775	(2.2)	
2	<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>172.544.238.503</b>	<b>147.401.364.755</b>		
	<i>Trong đó</i>				
+	Nợ phải trả	80.711.318.388	46.465.375.708	(42.4)	
+	Vốn chủ sở hữu	91.832.920.115	100.935.989.047	9.9	

### b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	62.738.679.660	77.73	19.988.289.593	43	(68)
Nợ dài hạn	17.972.638.728	22.27	26.477.086.115	57	47
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>64.010.723.045</b>	<b>100</b>	<b>46.465.375.708</b>	<b>100</b>	

### 3. Kế hoạch sản xuất năm 2020

#### 3.1. Kế hoạch sản lượng, doanh thu (Chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông)

TT	Diễn giải	ĐVT	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu
1	Cấp nước	m3	10,713,207	11,123	119,165,000,000
2	Lắp đặt nhỏ	Hộ			2,500,000,000



			1,800		
3	Dịch vụ bơi lội	KH	26,000	17,600	460,000,000
4	Nước lọc SOWA	Bình	105,000	13,000	1,370,000,000
5	Xây dựng cơ bản				
6	Kinh doanh vật tư	Đồng			500,000,000
					123,995,000,000

### 3.2. Kế hoạch tài chính (Chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông)

Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2018	Năm 2019		Kế hoạch năm 2020	So với thực hiện năm 2019 (%)
			Kế hoạch	Thực hiện		
<b>SẢN XUẤT KINH DOANH</b>						
<b>Sản lượng</b>						
Nước thương phẩm	m3	10,049,305	10,192,700	10,622,457	10,713,207	101 %
Số lượng khách hàng	hộ	50,758	51,881	52,701	54,100	103 %
Nước lọc tinh khiết	bình	101,158	100,000	105,101	105,000	100 %
Tỷ lệ thất thoát nước	%	11.44	10.5	10.94		
Kết quả hoạt động kinh doanh	đồng	120,532,086,347	120,062,000,000	128,483,806,045	124,995,000,000	97%
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	118,212,923,497	118,174,000,000	123,502,798,400	123,995,000,000	100 %
Cấp nước	"	112,174,840,389	113,775,000,000	118,166,238,573	119,165,000,000	101 %
Lắp đặt nhỏ	"	2,652,932,426	2,691,000,000	2,432,456,321	2,500,000,000	103 %

Dịch vụ bơi lội	"	376,242,727	389,000,000	447,259,091	460,000,000	103 %
Nước lọc SOWA	"	1,334,389,346	1,319,000,000	1,363,336,803	1,370,000,000	100 %
Xây dựng cơ bản	"	672,990,482	0	526,973,430		0%
Kinh doanh vật tư	"	500,897,727	0	566,534,182	500,000,000	88%
Quản lý, vận hành Trạm Nậm La	"	500,630,400	0			
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>đồng</b>	86,711,927,591	86,683,000,000	92,297,001,682	86,734,726,029	94%
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV</b>	<b>đồng</b>	31,500,995,906	31,491,000,000	31,205,796,718	37,260,273,971	119 %
<b>Doanh thu hoạt động Tài chính</b>	<b>đồng</b>	1,887,652,785	1,888,000,000	4,114,416,498	500,000,000	12%
<b>Chi phí Tài chính</b>	<b>đồng</b>	2,839,091,880	2,839,000,000	2,183,773,723	750,000,000	34%
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>đồng</b>	11,143,714,064	11,303,000,000	15,136,760,415	17,173,558,000	113 %
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>đồng</b>	19,405,842,747	19,237,000,000	17,999,679,078	19,836,715,971	110 %
<b>Thu nhập khác</b>	<b>đồng</b>	431,510,065	0	866,591,147	500,000,000	58%
<b>Chi phí khác</b>	<b>đồng</b>	26,640,628	0	972,607,847	520,000,000	53%
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>đồng</b>	404,869,437	0	-106,016,700	(20,000,000)	19%
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>đồng</b>	19,810,712,184	19,237,000,000	17,893,662,378	19,816,715,971	111 %
<b>Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành</b>	<b>đồng</b>	2,041,955,435	1,982,820,000	2,018,601,406	2,000,000,000	99%
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>đồng</b>	17,768,756,749	17,254,180,000	15,875,060,972	17,816,715,971	112 %
Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	234,260,894	72,424,643	72,424,643	85,448,115	118 %
Lợi nhuận dùng để phân phối	"	18,003,017,643	17,326,604,643	15,947,485,615	17,902,164,086	112 %

<b>Phân chia lợi nhuận</b>	<b>đồng</b>	18,003,017,643	17,326,604,643	15,947,485,615	17,902,164,086	112 %
Trích quỹ dự phòng	"	0	0	0		
Trích quỹ đầu tư PT	"	10,500,000,000	8,500,000,000	7,500,000,000	5,000,000,000	67%
Trích quỹ khen thưởng, PL	"	600,000,000	200,000,000	600,000,000	900,000,000	150 %
Trả cổ tức	"	6,830,593,000	8,500,000,000	7,762,037,500	12,000,000,000	155 %
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	11	10	12.50	12	96%
Lợi nhuận chuyển năm sau	"	72,424,643	126,604,643	85,448,115	2,164,086	3%
<b>Vốn điều lệ</b>	<b>đồng</b>	62,096,300,000	85,000,000,000	62,096,300,000	100,000,000,000	<b>161 %</b>
<b>NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH</b>	<b>đồng</b>	31,933,465,924	30,454,818,808	45,289,776,841	32,770,456,485	72%
<b>Nộp thuế VAT</b>	"	6,960,813,383	6,759,000,000	7,244,791,920	7,300,000,000	101 %
Trực tiếp	"	2,865,571,686	2,000,000,000	3,478,809,984	3,500,000,000	101 %
Gián tiếp	"	4,095,241,697	4,759,000,000	3,765,981,936	3,800,000,000	101 %
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>đồng</b>	<b>2,041,955,435</b>	<b>1,983,000,000</b>	<b>2,018,601,406</b>	<b>2,000,000,000</b>	99%
<b>Nộp các sắc thuế khác</b>	<b>đồng</b>	<b>2,124,460,338</b>	<b>2,063,000,000</b>	<b>2,528,338,882</b>	<b>2,728,000,000</b>	108 %
Thuế thu nhập cá nhân	"	247,785,335	250,000,000	577,158,746	800,000,000	139 %
Thuế tài nguyên	"	1,772,088,138	1,750,000,000	1,867,883,182	1,858,000,000	99%
Tiền thuê đất	"	88,586,865	47,000,000	63,043,284	50,000,000	79%
Thuế SD đất phi nông nghiệp	"	0		0		
Thuế môn bài + Khác	"	16,000,000	16,000,000	20,253,670	20,000,000	99%
<b>Nộp các khoản bảo</b>	<b>đồng</b>	6,075,087,682	5,899,000,000	6,183,314,698	4,152,721,320	67%

<b>hiểm + Kinh phí CD</b>						
<b>Trả nợ các dự án cấp nước</b>	<b>đồng</b>	5,958,727,899	5,958,727,899	18,907,022,191	8,073,631,529	43%
Dự án cấp nước Yên Châu	"			5,007,466,799	397,944,382	8%
Dự án cấp nước Mộc Châu	"			6,661,706,201	456,802,747	7%
Dự án cấp nước Sốp Cộp	"			1,218,884,400	1,218,884,400	100%
ODA Pháp		5,958,727,899	5,958,727,899	6,018,964,791	6,000,000,000	100%
<b>Các khoản nộp khác</b>	<b>đồng</b>	<b>8,772,421,187</b>	<b>7,792,090,909</b>	<b>8,407,707,744</b>	<b>8,516,103,636</b>	101%
Giá dịch vụ thoát nước	"	7,475,856,274	7,259,090,909	7,858,728,457	7,929,103,636	101%
Phí nước thải công nghiệp	"	26,415,427	26,000,000	26,415,427	30,000,000	114%
Phí dịch vụ môi trường rừng	"	522,563,860	507,000,000	522,563,860	557,000,000	107%
<b>NGUỒN VỐN TÁI ĐẦU TƯ</b>						
<b>Năm trước chuyển sang</b>	<b>đồng</b>	2,856,489,424	21,071,162,248	21,071,162,248	27,464,131,105	
<b>Tăng trong năm</b>	<b>đồng</b>	30,556,664,423	26,300,000,000	27,187,829,262	24,666,685,756	<b>91%</b>
Trích khấu hao TSCĐ	"	18,916,163,717	17,500,000,000	19,350,817,668	19,356,685,756	100%
Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	"	492,787,602	300,000,000	337,011,594	310,000,000	92%
Trích từ lợi nhuận sau thuế và quỹ DP tài chính	"	11,147,713,104	8,500,000,000	7,500,000,000	5,000,000,000	67%
<b>Giảm trong năm</b>	<b>đồng</b>	12,341,991,599	5,900,000,000	20,794,860,405	28,093,531,529	<b>135%</b>
<b>Trả nợ gốc vay ODA</b>	<b>đồng</b>	5,958,727,899	5,900,000,000	18,907,022,191	8,093,531,529	<b>43%</b>
Dự án cấp nước Yên Châu	"			5,007,466,799	397,844,382	8%
Dự án cấp nước Mộc Châu	"			6,661,706,201	456,802,747	7%

Dự án cấp nước Sốp Cộp	"			1,218,884,400	1,218,884,400	100 %
ODA Pháp		5,958,727,899	5,958,727,899	6,018,964,791	6,020,000,000	100 %
Kỳ 1	"	2,967,880,882	2,950,000,000	2,990,847,017	2,990,847,017	100 %
Kỳ 2	"	2,990,847,017	2,950,000,000	3,028,117,774	3,028,117,774	100 %
<b>Đầu tư TSCĐ</b>	<b>đồng</b>	<b>6,383,263,700</b>	<b>0</b>	<b>1,887,838,214</b>	<b>20,000,000,000</b>	<b>1059 %</b>
Đầu tư Nhà cửa vật kiến trúc	"	1,488,794,600		807,030,900	20,000,000,000	2478 %
Đầu tư Máy móc thiết bị	"	2,355,924,091		1,080,807,314		0%
Đầu tư Phương tiện vận tải truyền dẫn	"	2,457,981,009				
Đầu tư Thiết bị, dụng cụ quản lý	"	80,564,000				
<b>Số cuối năm</b>	<b>đồng</b>	<b>21,071,162,248</b>	<b>41,471,162,248</b>	<b>27,464,131,105</b>	<b>24,037,285,332</b>	

#### 4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

##### - Về môi trường.

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Chung tay góp phần bảo vệ môi trường xanh và phát triển Cộng đồng là một trong những nội dung ưu tiên trong sự phát triển lâu dài của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La. Công ty tin rằng sự phát triển kinh tế phải đi liền với bảo vệ môi trường và Cộng đồng xã hội, có như vậy nền kinh tế mới có thể phát triển bền vững và lâu dài. Những năm qua, Lãnh đạo Công ty cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La luôn xem công tác an toàn sức khỏe và bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các công tác như:

Trong công tác xây lắp, sửa chữa những năm qua Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào với phẩm cấp thấp. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra giám sát về định mức sử dụng vật liệu cho mỗi công trình được tăng cường nhằm đảm bảo các công trình sử dụng đầu vào theo định mức kế hoạch đã

đề ra từ ban đầu. Công tác giáo dục cho người lao động cũng được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường cho anh em công nhân.

Công ty còn thực hiện nhiều biện pháp khác để bảo vệ môi trường như: quản lý và xử lý nước thải, bùn thải, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, nước ...Ngoài ra, Công ty còn phát động các phong trào như Xanh – Sạch – Đẹp đối với các đơn vị, xí nghiệp trực thuộc tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường, tạo môi trường làm việc lành mạnh, hiệu quả.

#### **- Về xã hội**

+ Trách nhiệm với người lao động.

Năm 2019, công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Ban giám đốc, Công đoàn công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng cán bộ công nhân viên trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Công tác lương thưởng, Bảo hiểm xã hội, v.v... được Công ty thanh toán, đóng góp đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm, tổ chức tham quan du lịch nhằm khuyến khích người lao động, nhằm nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất lao động.

+ Trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng như các hoạt động từ thiện, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các gia đình đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ và ủng hộ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Sơn La.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá các mặt hoạt động của công ty**

#### **1.1. Những mặt làm được**

Đánh giá chung trong năm SXKD hiệu quả, sáng lượng tăng, năng suất lao động tăng, tiết kiệm chi phí, đạt và vượt mức lợi nhuận và cổ tức như kế hoạch đề ra; Triển khai các dự án đầu tư mở rộng với quyết tâm cao, tiến độ thi công nhanh, sớm đưa các công trình vào sử dụng, quyết toán và hạch toán

#### **1.2. Những mặt chưa làm được**

- Nhiều hộ khách hàng lớn và khách hàng vùng ven, khách hàng tiếp giáp vùng phục vụ của nước sạch nông thôn khoan giếng tăng, giảm sản lượng sử dụng hoặc chưa sử dụng

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc**

### **2.1. Về công tác điều hành**

- Ban Tổng Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Hàng tháng báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.
- Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

### **2.2. Về sản xuất kinh doanh:**

- Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

### **2.3. Về chính sách đối với người lao động:**

- Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.
- Quyền lợi của người lao động của Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.
- Chính sách đối với người lao động: Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước.

### **2.4. Về chấp hành pháp luật:**

- Chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty

## **3. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 (Chưa thông qua Đại hội đồng cổ đông)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
1	Sản lượng nước thương phẩm	M3	10.713.207
2	Tỷ lệ thất thoát	%	10.21 %
3	Số hộ khách hàng	Hộ	54.100
4	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	123.995.000.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	17.816.715.971
6	Sửa chữa, đầu tư phát triển	Đồng	20.000.000.000
7	Trả nợ nước ngoài	Đồng	6.020.000.000
8	Thu nhập bình quân	Đồng	8.500.000

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020
9	Chia cổ tức	%	12

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị gồm 7 thành viên được bầu tại Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 14/12/2015. HĐQT đã tiến hành họp để bầu và nghị quyết chức danh Chủ tịch HĐQT và các chức danh Ban Tổng giám đốc công ty. Ngày 02/12/2019, HĐQT ra Nghị quyết số 45/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh Thành viên HĐQT đối với ông Nguyễn Văn Tôn. Hội đồng quản trị sẽ thông qua việc miễn nhiệm ông Nguyễn Văn Tôn và trình phương án kiện toàn nhân sự HĐQT tại Đại hội cổ đông gần nhất.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Lương Thế Công	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên
4	Bùi Văn Đỉnh	Thành viên
5	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên
6	Lê Văn Tuấn	Thành viên
7	Nguyễn Văn Tôn	Thành viên Miễn nhiệm 1/12/2019

Năm 2019, HĐQT đã quản lý và điều hành công ty theo đúng các quy định của pháp luật, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và triển khai nghị quyết của ĐH đồng cổ đông. HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo định kỳ và đột xuất, hàng tháng HĐQT tham gia chỉ đạo họp giao ban để nghe Ban Tổng giám đốc và các đơn vị SX báo cáo và kiến nghị đề xuất các vấn đề liên quan hoạt động SXKD, kịp thời ra các quyết định phù hợp.

### 2. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên,

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban bổ nhiệm 1/4/2019



2	Bùi Hồng Nam	Thành viên
3	Nguyễn Quang Huy	Thành viên
4	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban Miễn nhiệm 1/4/2019

- Ban kiểm soát gồm 3 thành viên: Trưởng ban (hoạt động chuyên trách) và 02 thành viên;
- Về phần vốn nhà nước còn lại tại doanh nghiệp, Sở Tài chính cử 01 cán bộ tham gia là thành viên Ban kiểm soát;
- Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 (Ngày 31/03/2019) đã bầu ông Kim Ngọc Nhiệm vào Ban kiểm soát thay cho ông Trần Quyết Chiến (chuyển sang làm công việc khác); Sau đó Ban kiểm soát đã họp và bầu ông Nhiệm là Trưởng ban.

### **2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất để triển khai các công việc theo chức năng và nhiệm vụ được giao. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

#### **a) Kiểm soát Tài chính:**

- Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc ghi chép, hạch toán, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán;
- Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,...;
- Kiểm soát doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đầu tư của các dự án;
- Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để bảo quyền lợi của các cổ đông;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính một số đơn vị cơ sở. Giúp đơn vị thực hiện tốt các quy chế của Công ty và kịp thời khắc phục những tồn tại thiếu sót.

#### **b) Kiểm soát hoạt động:**

- Kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc;
- Đối với Hội đồng quản trị:
  - + Chủ tịch: Về việc chuẩn bị nội dung, tài liệu họp; Chủ trì; Gợi ý tham gia và Kết luận từng vấn đề;
  - + Thành viên: Kiến thức năng lực; Phát biểu tham gia; Tranh luận; Phản biện;

Thống nhất hoặc Bảo lưu ý kiến (nếu có);

+ **Đánh giá:** Chủ tịch và các thành viên HĐQT là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, am hiểu ngành nước và nhiều lĩnh vực. Đưa ra các quyết định đúng, kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với Ban điều hành:

+ **Tổng giám đốc:**

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

Tổ chức các cuộc họp của Ban điều hành; Nêu ra các vấn đề cần bàn bạc; Phát biểu quan điểm giải quyết và gợi ý; Tham khảo ý kiến của các thành viên; Tổng hợp ý kiến và kết luận;

+ **Thành viên:** Tham gia ý kiến theo từng lĩnh vực được phân công phụ trách; Tranh luận; Thống nhất;

+ **Đánh giá:** Ban Điều hành gồm 04 thành viên, trong đó có 03 thành viên thuộc Hội đồng quản trị;

Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành là những người có trình độ, am hiểu ngành nước và các lĩnh vực khác, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị;

Tham mưu với Hội đồng quản trị về việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế, thúc đẩy sản xuất;

Thực hiện tốt công tác điều hành, sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

- Ban kiểm soát tham gia ý kiến đóng góp vào những nội dung về SXKD, đầu tư, sửa chữa và một số công việc khác của Công ty;

- Đề xuất với Hội đồng quản trị về việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm đạt kết quả;

- Ban kiểm soát họp hàng quý theo quy chế;

- Ban kiểm soát chỉ có 01 thành viên chuyên trách, các thành viên khác hoạt động kiêm nhiệm và phân tán, do đó việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát có phần hạn chế;

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty, giúp cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao;

- Trong năm 2019 Ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về chỉ đạo điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

### **c) Kiểm soát tuân thủ:**

- Theo từng lĩnh vực, công ty đã ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp;

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty thực hiện tốt các quy chế nội bộ đã ban hành;
- Cơ chế quản lý nội bộ của Công ty khá hoàn chỉnh, giúp công tác quản lý sản xuất có nề nếp, minh bạch và hiệu quả;

**Hệ thống quy chế doanh nghiệp:**

TT	Điều lệ, quy chế	Ban hành	Th/quyền ký	Ghi chú
1	Điều lệ công ty	2018	HĐQT	
2	Nội quy lao động	2014	GD-CD	
3	QC luân chuyển, tăng cường cán bộ, công nhân viên	2014	HĐQT	
4	QC đối thoại tại nơi làm việc	2015	HĐQT	
5	QC hoạt động của Ban KS	2016	HĐQT	
6	QC hoạt động của Ban TGD	2017	HĐQT	
7	QC hoạt động của HĐQT	2017	HĐQT	
8	QC kiểm toán nội bộ	2011	HĐQT	Đã giải thể phòng kiểm toán
9	QC khoán sản phẩm	2014	HĐQT	
10	QC phối hợp giữa Ban TGD và Công đoàn cơ sở	2013	GD-CD	
11	QC quản lý nợ	2014	HĐQT	
12	QC quản trị công ty	2017	HĐQT	
13	QC tài chính	2017	HĐQT	
14	QC tiền lương	2018	HĐQT	Đã XD mới năm 2020
15	QC thi đua khen thưởng kỷ luật	2013	HĐQT	
16	Thỏa ước lao động tập thể	2017	GD-CD	
17	QC tuyển dụng, đào tạo,			Chưa xây dựng

	bồi dưỡng CBCNV			
--	-----------------	--	--	--

- Đánh giá về hệ thống quy chế doanh nghiệp:
- + Đa số quy chế vẫn còn phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế và vẫn tiếp tục áp dụng;
- + Tuy nhiên một số quy chế không còn phù hợp, do: Có những quy chế đã ban hành từ khá lâu, quy định của pháp luật đã được sửa đổi; Một số quy chế, quy định còn mâu thuẫn nhau; Thẩm quyền ký ban hành quy chế chưa phù hợp; hoặc có quy chế cần sửa đổi cho phù hợp với thực tế để khuyến khích sản xuất;
- Hiện nay đã thực hiện:
- + Đã ban hành cơ chế tiền lương mới áp dụng cho năm 2020 (Thang lương bảng lương và Quy chế tiền lương);
- + Bãi bỏ Quy chế kiểm toán nội bộ (do giải thể Phòng kiểm toán nội bộ);
- + Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (Ban hành mới, trên cơ sở hợp nhất Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cũ với Quy chế kiểm toán nội bộ).
- Đề xuất: Kiến nghị Hội đồng quản trị giao Ban điều hành rà soát lại toàn bộ các quy chế, quy định hiện hành của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung kịp thời.

## **2.2. Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:**

- Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020:
- + Báo cáo kiểm soát năm 2019;
- + Phương án lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2020;
- + Báo cáo thực hiện về tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020;
- Xây dựng kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ;
- Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo các nội dung sau:
- + Kiểm soát tài chính:  
Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập hoàn thiện báo cáo kiểm toán năm 2019;  
Kiểm toán tài chính năm 2020;
- + Kiểm soát hoạt động:  
Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;  
Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban điều hành.
- + Kiểm soát tuân thủ:  
Giám sát việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định;  
Giám sát việc thực hiện các quy chế nội bộ và quy định của pháp luật.

## **2.3. Kiến nghị của Ban kiểm soát:**

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Ban kiểm soát nêu một số kiến nghị sau:

- Nâng cao công tác quản trị và điều hành để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ từ văn phòng tới các đơn vị trực thuộc. Phấn đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các cổ đông;
- Các dự án đầu tư: Phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án có hiệu quả;
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế dân chủ ở cơ sở; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;
- Thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;
- Có phương án thu hồi khoản cho Công ty SVBIC vay, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn và làm lành mạnh tình hình tài chính (Tháng 02/2020 đã thanh toán xong cả gốc và lãi).

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát đến ngày 31/12/2019

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	126.700.000
2	Lương Thế Công	Phó chủ tịch HĐQT	95.050.000
3	Bùi Văn Đính	Thành viên HĐQT	95.050.000
4	Nguyễn Văn Tồn	Thành viên HĐQT	66.650.000
5	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	95.050.000
6	Nguyễn Văn Hồng	Thành viên HĐQT	72.250.000
7	Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	72.250.000
8	Nguyễn Tiến Hán	Thư ký HĐQT	38.600.000
9	Bùi Hồng Nam	Th/viên Ban kiểm soát	52.910.000
10	Nguyễn Quang Huy	Th/viên Ban kiểm soát	52.910.000
11	Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng ban KS từ 1/4/2019	321.842.000
12	Trần Quyết Chiến	Trưởng ban KS Miễn nhiệm 1/4/2019	72.456.600
	<b>Cộng</b>		<b>1.161.718.600</b>

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **1. Ý kiến của kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Báo cáo tài chính được kiểm toán**

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán, phê duyệt ngày 16/03/2020 được đăng tải trên trang web của công ty và được công bố thông tin ngày 23/03/2020.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Bùi Văn Đỉnh**